

THỂ CHẾ ĐIỀU PHỐI LIÊN KẾT VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

★ NCS TRẦN HỮU ĐÔNG

Ban Kinh tế Trung ương

★ TS HÀ HUY NGỌC

Viện Kinh tế Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

- **Tóm tắt:** Phát triển và liên kết kinh tế vùng là một trong những vấn đề quan trọng, luôn được nhấn mạnh trong các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước ta. Bài viết phân tích, đánh giá thực trạng mô hình tổ chức điều phối vùng tại đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), trên cơ sở đó đưa ra các kiến nghị chính sách trong thời gian tới.
- **Từ khóa:** thể chế điều phối liên kết vùng, đồng bằng sông Cửu Long.

Vùng ĐBSCL có dân số 17,513 triệu người (năm 2019), diện tích tự nhiên khoảng 40.576,6 km², (trong đó khoảng 64% diện tích dùng để sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản). Vùng có địa hình như một bán đảo với ba mặt giáp biển: Đông, Nam (giáp Biển Đông) và Tây Nam (giáp vịnh Thái Lan), có chiều dài đường bờ biển trên 700 km và khoảng 360 nghìn km² vùng biển thuộc chủ quyền; phía Tây giáp Campuchia và phía Bắc giáp vùng kinh tế Đông Nam Bộ. Về địa chính, vùng bao gồm 1 thành phố trực thuộc Trung ương là Cần Thơ và 12 tỉnh: An Giang, Bến Tre, Bạc Liêu, Cà Mau, Đồng Tháp, Hậu Giang, Kiên Giang, Long An, Sóc Trăng, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long. Với tiềm năng và lợi thế về mặt nước, chất lượng đất đai, ĐBSCL là một trong những đồng bằng lớn, phì nhiêu nhất Đông Nam Á và thế giới; là vùng trọng điểm sản xuất lương thực, nuôi trồng thủy

hải sản và cây ăn trái nhiệt đới của cả nước. Tiềm năng, vị thế và vai trò của vùng đã được Đảng và Nhà nước khẳng định, chú trọng, từ đó đưa ra nhiều chủ trương, chính sách nhằm tạo mối liên kết, khai thác và phát huy thế mạnh trong sản xuất hàng hóa xuất khẩu lớn, tận dụng lợi thế về quy mô và lợi thế kết nối với các vùng trong nước và quốc tế. Trong thời gian qua, trên cơ sở các chủ trương, đường lối, chiến lược, vùng đã bước đầu đưa vấn đề liên kết kinh tế vào trong các quy hoạch, chương trình hành động và đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, các hạn chế và yếu kém về mô hình thể chế liên kết vùng cũng đang là những trở ngại lớn và là sự lãng phí lớn về mặt chi phí cơ hội cho sự phát triển.

1. Bộ máy tổ chức điều phối liên kết Vùng đồng bằng sông Cửu Long

Mô hình Ban Chỉ đạo

Giai đoạn 1975- 1986, Ban Phân vùng kinh tế

được thành lập từ Trung ương (thuộc Ủy ban Kế hoạch Nhà nước) đến các tỉnh trong vùng để thực hiện nhiệm vụ điều phối liên kết vùng, sau đó giải thể vào đầu thập niên 1990. Năm 2002, Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ được thành lập, là cơ quan trực thuộc, giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương; nghiên cứu, tham mưu, đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng, công tác dân tộc, tôn giáo, xây dựng hệ thống chính trị; liên kết vùng, ứng phó biến đổi khí hậu...

Từ khi thành lập đến khi kết thúc năm 2018, Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ đã triển khai các hoạt động phát triển kinh tế vùng, là đầu mối phối hợp các lực lượng thực hiện, kiểm tra, đôn đốc, tham mưu, đề xuất nhiều cơ chế, chính sách như: cơ chế, chính sách liên kết vùng, phát triển các sản phẩm chủ lực vùng (lúa gạo, thủy sản, trái cây); cơ chế, chính sách phát triển giao thông, thủy lợi, giáo dục - đào tạo, nguồn nhân lực, phát triển Phú Quốc, ứng phó biến đổi khí hậu, nước biển dâng thông qua nhiều hoạt động như: diễn đàn Hợp tác kinh tế ĐBSCL (tổ chức hàng năm); chương trình xúc tiến đầu tư; thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị lúa gạo, thủy sản, trái cây; vận động an sinh xã hội; phối hợp đào tạo nguồn nhân lực; quy chế phối hợp về quốc phòng, an ninh, thông tin tuyên truyền.

Mô hình Vùng kinh tế trọng điểm đồng bằng sông Cửu Long

Cơ chế liên kết vùng kinh tế trọng điểm đồng bằng sông Cửu Long (vùng KTTĐ ĐBSCL) được áp dụng cho 4 tỉnh, thành phố là: An Giang, Cà Mau, Cần Thơ và Kiên Giang⁽¹⁾, với mục tiêu “nhằm tạo sự thống nhất, đồng bộ để thực hiện thành công định hướng phát triển các vùng KTTĐ được xác định trong chủ trương, chính sách, đường lối của Đảng và Nhà nước, Chiến

lược phát triển kinh tế-xã hội của cả nước và Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội các vùng KTTĐ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030⁽²⁾.

Tại Hội nghị lần thứ nhất Hội đồng vùng KTTĐ ĐBSCL giai đoạn 2016-2020, các địa phương đã thống nhất thông qua Kế hoạch liên kết phối hợp toàn vùng⁽³⁾; trong đó, xác định mục tiêu tổng quát của liên kết là: khai thác tối đa tiềm năng, cơ hội của từng địa phương xét trong lợi thế so sánh của toàn vùng KTTĐ ĐBSCL trên nguyên tắc hài hòa về lợi ích, trách nhiệm và bình đẳng, cùng khai thác các cơ hội, lợi thế so sánh của vùng, góp phần khẳng định vai trò, vị trí của vùng KTTĐ ĐBSCL so với cả nước.

Về cơ cấu tổ chức, điều phối phát triển vùng KTTĐ ĐBSCL được thực hiện ở cả ba cấp Trung ương, vùng và địa phương. Cơ quan điều phối cấp Trung ương gồm Ban Chỉ đạo điều phối và các Tổ điều phối của các bộ, ngành. Các cơ quan này chịu trách nhiệm điều phối các hoạt động liên kết cho cả 4 vùng KTTĐ của cả nước (và giữa vùng KTTĐ với các vùng khác). Cơ quan điều phối cấp vùng là Hội đồng vùng KTTĐ ĐBSCL. Cơ quan điều phối ở địa phương là Tổ điều phối của các tỉnh, thành phố. Ban Chỉ đạo điều phối phát triển các vùng KTTĐ có 16 thành viên⁽⁴⁾. Hội đồng vùng KTTĐ vùng ĐBSCL gồm Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố: Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang, Cà Mau và Phó Trưởng Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ. Cơ quan làm nhiệm vụ thường trực của Hội đồng vùng là Sở Kế hoạch và Đầu tư (của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được giao luân phiên làm Chủ tịch Hội đồng vùng).

Về chức năng và thẩm quyền, Ban Chỉ đạo điều phối phát triển các vùng KTTĐ có chức năng chính là giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo thực hiện liên kết vùng, đồng thời theo dõi, đôn đốc và giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của các bộ, ngành và địa phương trong vùng

KTTĐ. Bên cạnh đó, cơ quan này còn có nhiệm vụ đề xuất cơ chế, chính sách phát triển vùng, giải pháp thúc đẩy phối hợp giữa các bộ, ngành và địa phương trong vùng. Về thẩm quyền, Ban Chỉ đạo không có quyền ra quyết định vượt thẩm quyền của bộ, ngành và địa phương. Trong trường hợp xảy ra xung đột và vướng mắc mà không đạt được đồng thuận, Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ trình vấn đề lên cấp có thẩm quyền quyết định.

Hội đồng vùng KTTĐ ĐBSCL là tổ chức kết nối giữa Ban Chỉ đạo với các địa phương trong vùng KTTĐ, có chức năng chính là điều phối liên kết giữa các địa phương trong vùng. Để thực hiện chức năng này, Hội đồng vùng tổng hợp nhu cầu liên kết của các tỉnh thuộc vùng KTTĐ, xây dựng kế hoạch thực hiện và đề xuất danh mục các chương trình, dự án có tính chất liên tỉnh trong vùng. Tuy nhiên, Hội đồng vùng không có thẩm quyền đưa ra quyết định về vấn đề ngân sách hay phân bổ đầu tư. Việc điều phối liên kết vùng được thực hiện thông qua Hội nghị Hội đồng vùng. Quá trình điều phối vùng phải bảo đảm nguyên tắc đồng thuận giữa các bộ, ngành và địa phương khi giải quyết các vấn đề phát sinh và khi có vướng mắc báo cáo Ban Chỉ đạo để phối hợp giải quyết.

Tổ điều phối cấp tỉnh là cơ quan cấp địa phương có chức năng chỉ đạo các tổ chức, đơn vị trong tỉnh thực hiện hoạt động liên kết và đề xuất với Hội đồng vùng trong việc giải quyết các vấn đề liên kết vùng. Đối với địa phương đang đảm nhận vai trò Chủ tịch Hội đồng vùng, Tổ điều phối cấp tỉnh còn có trách nhiệm giúp Chủ tịch Hội đồng vùng chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng vùng. Dựa trên nhu cầu liên kết từ phía doanh nghiệp, các khu công nghiệp và các địa phương trong tỉnh, Tổ điều phối cấp tỉnh có nhiệm vụ tổng hợp các nhu cầu này để trình Hội đồng vùng quyết định. Khi các

nội dung phối hợp đó được Hội đồng vùng thông qua, Tổ điều phối cấp tỉnh sẽ có trách nhiệm triển khai thực hiện. Tóm lại, đây là cơ quan giúp việc, tham mưu, tư vấn cho lãnh đạo địa phương mà không có quyền ra quyết định.

Về *phối hợp thực hiện*, hoạt động phối hợp giữa các địa phương trong vùng chủ yếu được thực hiện trong các lĩnh vực quy hoạch, xúc tiến đầu tư, xây dựng hệ cơ sở dữ liệu thông tin vùng, và đề xuất cơ chế, chính sách. Đối với công tác quy hoạch, các địa phương liên quan đã tham vấn lẫn nhau trong quá trình điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội. Hoạt động xúc tiến đầu tư chung của vùng KTTĐ được lồng ghép trong Hội nghị xúc tiến đầu tư của vùng ĐBSCL. Tuy nhiên, năm 2018, ba tỉnh, thành phố trong vùng là Cần Thơ, Kiên Giang và An Giang chỉ tổ chức hội nghị xúc tiến đầu tư đơn lẻ. Điều đáng chú ý là giữa các tỉnh, thành phố không có sự trao đổi trong quá trình xây dựng danh mục dự án kêu gọi đầu tư được công bố tại các Hội nghị xúc tiến này. Bên cạnh đó, việc các địa phương giới thiệu nhà đầu tư cho nhau cũng còn rất hạn chế.

Ngày 29-8-2017, Hội đồng vùng KTTĐ ĐBSCL ban hành Hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin⁽⁵⁾ vùng KTTĐ ĐBSCL, bao gồm 6 chỉ tiêu về địa lý, hành chính, 46 chỉ tiêu về kinh tế, xã hội, môi trường, và các thông tin về cơ chế chính sách, thủ tục đầu tư. Định kỳ hàng năm, các địa phương có trách nhiệm cập nhật, bổ sung thông tin, gửi về địa phương được phân công giữ nhiệm vụ Chủ tịch Hội đồng vùng để tổng hợp, công bố. Nhìn chung, cơ sở dữ liệu này là các chỉ tiêu đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm, chưa phải cơ sở dữ liệu xây dựng cho mục đích liên kết. Bên cạnh đó, việc tiếp cận các thông tin tổng hợp này qua Internet vẫn hạn chế⁽⁶⁾.

Mô hình Hội đồng điều phối vùng đồng bằng sông Cửu Long

Ngày 12-6-2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 825/QĐ-TTg về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng điều phối vùng ĐBSCL giai đoạn 2020-2025.

Các nội dung, lĩnh vực hoạt động điều phối liên kết vùng, phát triển bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu được quy định rõ, bao gồm: liên kết phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐBSCL; điều phối phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với biến đổi khí hậu; điều phối Quy hoạch vùng ĐBSCL thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; các hoạt động, liên kết khác quy định tại Quyết định số 593/QĐ-TTg ngày 6-4-2016 của Thủ tướng Chính phủ; thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Thủ tướng Chính phủ.

Về nhiệm vụ và quyền hạn, Hội đồng có nhiệm vụ tham mưu, đề xuất với Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, nhiệm vụ, dự án có quy mô, tính chất liên kết vùng và phát triển bền vững vùng ĐBSCL thích ứng với biến đổi khí hậu; đồng thời, giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo điều phối, đôn đốc, kiểm tra, giám sát các bộ, ngành, địa phương trong quá trình thực hiện. Ngoài ra, Hội đồng còn có nhiệm vụ: tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, truyền thông; thành lập các tiểu ban điều phối theo ngành, lĩnh vực hoặc theo các tiểu vùng; thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Về quy chế hoạt động, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng điều phối vùng ĐBSCL giai đoạn 2020-2025; theo đó, phối hợp thực hiện bảo đảm nguyên tắc đồng thuận giữa các bộ, ngành; giữa các bộ, ngành với

các địa phương và giữa các địa phương trong vùng. Việc chủ trì tổ chức thực hiện sẽ được giao cho bộ, ngành, địa phương nào có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn liên quan nhiều nhất đến lĩnh vực hoặc nhiệm vụ đó. Hoạt động điều phối được thực hiện thông qua Hội nghị Hội đồng điều phối vùng. Trên cơ sở nội dung các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế, xã hội, các bộ, ngành, địa phương trong vùng thảo luận để thỏa thuận, thống nhất và triển khai các nội dung thực hiện liên kết, phối hợp.

Mô hình Liên kết phi chính thức

Mô hình liên kết phi chính thức được phân tích cụ thể trong trường hợp Sáng kiến ABCD Mekong - mạng lưới liên kết gồm bốn tỉnh An Giang, Bến Tre, Cần Thơ và Đồng Tháp⁽⁷⁾, với mục đích liên kết thị trường, hỗ trợ doanh nghiệp và quảng bá cho kinh tế địa phương. Liên kết thị trường được xây dựng trên nguyên tắc chuỗi giá trị, cùng với đó là các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng thương hiệu, phát triển hệ thống phân phối và nâng cao năng lực đổi mới. Việc quảng bá cho kinh tế và doanh nghiệp địa phương được thực hiện thông qua các chương trình phối hợp truyền thông.

Các chương trình hoạt động của Sáng kiến được phối hợp với Hội Doanh nghiệp Hàng Việt Nam chất lượng cao (HVNCLC) và Câu lạc bộ Doanh nghiệp dẫn đầu (LBC)⁽⁸⁾. Đơn vị điều phối và thực hiện các hoạt động của ABCD Mekong là Trung tâm Nghiên cứu kinh doanh và Hỗ trợ doanh nghiệp (BSA) - một định chế hỗ trợ doanh nghiệp ngoài công lập phi lợi nhuận do doanh nghiệp tự tổ chức và quản lý, có trách nhiệm phối hợp với các địa phương xây dựng ý tưởng và phương thức vận hành, cung cấp chuyên gia và tổ chức truyền thông.

Hoạt động cốt lõi của ABCD Mekong gồm: mô hình mới sáng tạo, hỗ trợ xây dựng thương

hiệu và xúc tiến thương mại, nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo cho doanh nghiệp và công tác truyền thông. Mô hình mới sáng tạo tập trung vào kết nối các doanh nghiệp mạnh nhất để hình thành lực lượng tiên phong, chủ lực trong liên kết vùng về hợp tác kinh doanh và đầu tư, phát triển thị trường nội địa và trong Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC), đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển (R&D). Bên cạnh đó, còn có Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp tỉnh, hướng tới phát triển các hộ gia đình sản xuất, kinh doanh, hỗ trợ các doanh nghiệp trẻ, doanh nghiệp nhỏ và vừa. Hoạt động hỗ trợ xây dựng thương hiệu và xúc tiến thương mại được tổ chức dưới 3 hình thức là: (i) Hội chợ HVNCLC tại 4 tỉnh, (ii) Phiên chợ Hàng Việt về nông thôn tại các tỉnh, và (iii) Hội chợ HVNCLC và hàng ASEAN tiêu biểu. Các hoạt động nâng cao năng lực và đổi mới sáng tạo cho doanh nghiệp bao gồm nâng cao chất lượng R&D, chuyển giao công nghệ và hỗ trợ đổi mới thiết bị, hỗ trợ kiến thức về sở hữu trí tuệ, đăng ký nhãn hiệu, bảo vệ thương hiệu, đồng thời tăng cường kết nối doanh nghiệp với các tổ chức nghiên cứu và trường đại học. Công tác truyền thông được tiến hành thông qua các chương trình quảng bá cho hàng Việt Nam và doanh nghiệp của 4 tỉnh, do bộ phận truyền hình của BSA phối hợp với đài truyền hình các tỉnh thực hiện.

Một điển hình thành công của Sáng kiến ABCD Mekong là diễn đàn thường niên Mekong Connect - CEO Forum, diễn đàn lớn nhất khu vực với sự tham gia của nhiều chuyên gia nghiên cứu và các doanh nghiệp lớn trong nước. Diễn đàn có sứ mệnh thúc đẩy liên kết theo hướng hội nhập và phát triển bền vững, thu hút và tối ưu hóa nguồn lực tri thức cho khu vực ĐBSCL, đồng thời khuyến khích, hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp dựa vào thế mạnh bản địa. Tại Diễn đàn hàng

năm có khu vực triển lãm để các doanh nghiệp quảng bá thương hiệu và sản phẩm của mình. Ngoài doanh nghiệp HVNCLC theo tiêu chuẩn hội nhập và do người tiêu dùng trong nước bình chọn, triển lãm còn có khu vực dành cho các doanh nghiệp dịch vụ, khu vực trưng bày các ứng dụng công nghệ trong chuỗi giá trị và khu vực dành riêng cho sản phẩm phát triển từ tài nguyên bản địa của 4 tỉnh trong mạng lưới liên kết cũng như các sản phẩm OCOP⁽⁹⁾ tiêu biểu.

2. Một số đánh giá về bộ máy tổ chức liên kết vùng đồng bằng sông Cửu Long

Các mô hình thể chế liên kết vùng tại ĐBSCL hiện nay khá đa dạng về hình thức tổ chức và đa chiều trong quan hệ với các cơ chế chính thức cũng như phi chính thức (xét trên quan hệ điều phối của nhà nước hay tư nhân) ở các mức độ liên kết cấp toàn vùng, tiểu vùng và nhóm doanh nghiệp, hiệp hội. Các quan hệ liên kết từ đó cũng có mức độ phức tạp nhất định (giữa các tổ chức nhà nước và tư nhân) cũng như tính đa chiều (dọc và ngang - Bảng 1). Điều đó cho thấy, nhu cầu liên kết trong vùng ĐBSCL là rất lớn, xuất phát từ chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Trung ương và chính các địa phương, doanh nghiệp cũng có nhu cầu liên kết để giải quyết những vấn đề mang tính lợi ích chung. Các hoạt động liên kết vùng ĐBSCL có cả hai chiều tác động chính sách, từ trên xuống và từ dưới lên.

Về Mô hình Điều phối liên kết chính thức

Trong quá trình hình thành và phát triển, vùng KTTĐ ĐBSCL đã tạo cơ chế hợp tác giữa các địa phương trên nhiều lĩnh vực quan trọng như: quy hoạch, đầu tư phát triển, đào tạo và sử dụng lao động, đề xuất xây dựng cơ chế, chính sách và hình thành cơ sở dữ liệu thông tin kinh tế - xã hội... Bên cạnh đó, Hội đồng vùng bước đầu thể hiện được vai trò đầu mối và đại diện cho các địa phương trong đối thoại về chính sách với các bộ,

Bảng 1. Cơ chế và quan hệ liên kết vùng tại ĐBSCL

Cơ chế liên kết	Liên kết dọc	Liên kết ngang
Quy hoạch cấp vùng	Bộ - Địa phương	Bộ - Bộ; Địa phương - Địa phương
Dự án liên kết vùng	593 (Trung ương) - Các tỉnh (Địa phương)	Địa phương - Địa phương; Bộ - Bộ
Mô hình điều phối vùng	Trung ương - Địa phương	Địa phương - Địa phương
Sáng kiến liên kết tiểu vùng	593 (Trung ương) - Các tỉnh (Địa phương)	Địa phương - Địa phương
Vùng Kinh tế trọng điểm	Ban Chỉ đạo - Các tỉnh	Địa phương - Địa phương
Sáng kiến ABCD Mekong	Địa phương - Doanh nghiệp; Hiệp hội - Doanh nghiệp	Doanh nghiệp - Doanh nghiệp

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Đồ họa: LLCT

ngành Trung ương. Thông qua tổng hợp nhu cầu liên kết của các địa phương, Hội đồng vùng đề xuất các hoạt động liên kết cụ thể và lập danh mục các công trình trọng điểm nhằm kiến nghị Chính phủ tập trung đầu tư, từ đó gắn kết nhu cầu phát triển của các địa phương trên một không gian kinh tế. Điều này vừa giúp hài hòa và cân bằng lợi ích giữa các địa phương, vừa giúp tập trung nguồn lực cho phát triển.

Các liên kết theo tiểu vùng tại ĐBSCL cho thấy sự hợp tác theo không gian sản xuất của vùng và dựa trên thế mạnh của các địa phương. Tuy nhiên, cơ chế hợp tác này hiện còn ở giai đoạn sơ khai nên chưa có hoạt động liên kết cụ thể nào được triển khai trên thực tế. Mặc dù vậy, cơ chế liên kết tiểu vùng đã tạo nên khung khổ ổn định cho sự trao đổi và hợp tác ở mức độ cụ thể hơn giữa các địa phương có sự tương đồng về địa lý và lợi thế cạnh tranh. Về các dự án liên kết vùng ĐBSCL, trước hết, cần khẳng định đây là một nỗ lực của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong quá trình triển khai Quy chế thí điểm theo Quyết định 593.

Về Mô hình liên kết phi chính thức

Sáng kiến ABCD Mekong là cơ chế liên kết duy nhất ở ĐBSCL hiện nay (trong phạm vi của nghiên cứu này) được thúc đẩy bởi nguồn lực tư

nhân, gắn với nhu cầu về thị trường của doanh nghiệp và tham vọng xây dựng sự nhận diện thương hiệu của hàng hóa Việt Nam trên trường quốc tế. ABCD Mekong là một sáng kiến thành công khi đã gây được tiếng vang trong các hoạt động như: xúc tiến đầu tư, mở rộng thị trường, quảng bá thương hiệu sản phẩm; thu hút trí tài,... Mô hình là sự phối hợp giữa chính quyền địa phương và các tổ chức tư nhân; trong đó, bộ máy chỉ đạo là đại diện của chính quyền còn hoạt động điều phối và thực hiện lại hoàn toàn do tư nhân đảm nhiệm. Cách làm này cho thấy sự linh hoạt trong sử dụng nguồn lực và cách thức tổ chức công việc của một cơ chế liên kết phi chính thức nhằm hướng đến mục tiêu tận dụng tối đa nguồn lực một cách hiệu quả.

Trường hợp ABCD Mekong còn cho thấy vai trò chủ động của *nhà doanh nghiệp* trong tổ chức liên kết "4 nhà": kết nối sản xuất với *nhà nông*, khai thác chuyên môn và tri thức của *nhà khoa học*, đề xuất những điều chỉnh và thay đổi về cơ chế, chính sách với *Nhà nước*. Những quan hệ liên kết đó xuất phát từ nhu cầu thực tế của doanh nghiệp trong quá trình tổ chức sản xuất, thiết lập vùng nguyên liệu, tạo dựng cụm, ngành sản xuất, kết nối thị trường và phân bổ nguồn lực

sản xuất. Sự chủ động này cũng thể hiện vai trò điều phối của doanh nghiệp trong liên kết sản xuất - điều mà hầu hết các thiết kế chính sách nhằm thúc đẩy liên kết sản xuất cho đến nay chưa thực sự chú ý đến.

3. Giải pháp kiến nghị

Thứ nhất, tăng cường địa vị pháp lý cho Hội đồng vùng

Nghiên cứu thành lập Hội đồng điều phối vùng ĐBSCL là một trong những nhiệm vụ được nêu trong Nghị quyết 120/NQ-CP của Chính phủ về phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với biến đổi khí hậu. Điều đó cho thấy sự cần thiết phải có một cơ quan điều phối vùng trong thực hiện các hoạt động liên kết cụ thể tại ĐBSCL. Để nâng cao hiệu quả và hiệu lực hoạt động trên thực tế, cần tăng cường địa vị pháp lý cho Hội đồng điều phối vùng nhằm tạo sức mạnh tổng hợp trong việc ban hành các quyết sách phát triển bền vững cho vùng đồng bằng sông Cửu Long. Mô hình quản lý này sẽ có chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền để nắm vai trò ra quyết định quá trình phát triển của khu vực đồng bằng sông Cửu Long⁽¹⁰⁾. Đồng thời, căn cứ vào Hiến pháp và pháp luật, Chính phủ thí điểm xây dựng mô hình địa vị pháp lý phù hợp cho Hội đồng điều phối vùng đồng bằng sông Cửu Long; trên cơ sở đó hỗ trợ Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành và địa phương giải quyết các vấn đề của vùng để tạo sự kết nối tốt hơn, đưa ra giải pháp xử lý và khuyến nghị kịp thời đối với các vấn đề của vùng; là kênh thông tin và là cầu nối trực tiếp giữa Chính phủ và các địa phương trong vùng⁽¹¹⁾.

Đồng thời, Hội đồng cần thành lập Tổ tư vấn thuộc các lĩnh vực khác nhau và các ngành khác nhau. Tương tự như vậy, ở cấp độ thực hiện, nhóm công tác đặc biệt cũng được thành lập tùy thuộc vào tính chất của công việc cần giải quyết, nhất là ở các cấp thực hiện các dự án liên kết

vùng. Bên cạnh các cán bộ quản lý và chuyên gia trong lĩnh vực liên quan, nhóm công tác đặc biệt còn có đại diện từ các địa phương có dự án liên kết và các bộ ngành nhằm bảo đảm tính chất liên kết vùng của dự án.

Thứ hai, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương cần ban hành Nghị định mới về phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long phù hợp với bối cảnh mới hiện nay

Về lâu dài, cần nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới đã ban hành Luật Đồng bằng, để xây dựng Luật về đồng bằng sông Cửu Long, nhằm bảo đảm cơ sở pháp lý cho sự phát triển bền vững của vùng. Đồng thời, Chính phủ cần sớm ban hành Nghị định về liên kết phát triển bền vững vùng ĐBSCL nhằm tạo sức mạnh tổng hợp, trong việc ban hành các quyết sách phát triển bền vững cho vùng.

Thứ ba, xây dựng trung tâm thông tin, dữ liệu liên ngành về liên kết vùng theo hướng phát triển bền vững

Tập trung xây dựng trung tâm thông tin, dữ liệu liên ngành của vùng ĐBSCL, bao gồm: i) Rà soát và cập nhật số liệu phục vụ công tác quy hoạch không gian lãnh thổ, chuyển đổi cơ cấu kinh tế và quy hoạch tổng thể phát triển bền vững vùng; ii) Nâng cấp và hiện đại hóa hệ thống quan trắc, giám sát, cảnh báo và dự báo về tài nguyên môi trường. Tập trung vào các vấn đề như: nâng cấp và hiện đại hóa hệ thống quan trắc, giám sát, cảnh báo và dự báo khí tượng thủy văn; nâng cấp và hiện đại hóa hệ thống quan trắc, giám sát, cảnh báo và dự báo môi trường, môi trường, biển đảo, tài nguyên nước, sụt lún, xói lở, bồi đắp vùng đồng bằng; iii) Xây dựng hệ thống giám sát nguồn nước cảnh báo, dự báo hạn hán và xâm nhập mặn vùng ĐBSCL; xây dựng mạng lưới giám sát biến đổi khí hậu, nước biển dâng cho vùng ĐBSCL; iv) Xây dựng, hoàn

thiện, tích hợp hệ thống cơ sở dữ liệu liên ngành về ĐBSCL phục vụ PTBV và thích ứng với BĐKH; đồng thời thành lập Trung tâm Dữ liệu vùng. Kết nối với cơ sở dữ liệu của Ủy hội sông Mê Kông quốc tế; khai thác, sử dụng có hiệu quả phục vụ đa mục tiêu, chia sẻ và tổ chức công bố cho cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan; v) Tích hợp các thông tin trên vào quá trình quy hoạch, trong đó, chú trọng vào phát triển không gian, lồng ghép, liên địa phương. Đồng thời, cần áp dụng cách tiếp cận dựa trên bằng chứng trong thiết kế, lựa chọn địa điểm, quy mô ưu tiên đầu tư, để thông tin hiệu quả⁽¹²⁾ □

Ngày nhận bài: 17-8-2021; Ngày phản biện: 25-8-2021; Ngày duyệt đăng: 22-10-2021.

(1) Căn cứ Quyết định số 941/QĐ-TTg ngày 25-6-2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập tổ chức điều phối phát triển các vùng kinh tế trọng điểm giai đoạn 2015-2020. Quyết định này thay thế Quyết định số 20/2004/QĐ-TTg ngày 18-2-2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Tổ chức điều phối phát triển các vùng kinh tế trọng điểm.

(2) Quyết định số 2360/QĐ-TTg ngày 22-12-2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức hoạt động và phối hợp của tổ chức điều phối phát triển các vùng kinh tế trọng điểm giai đoạn 2015-2020.

(3) Nghị quyết số 136/NQ-HĐV ngày 21-11-2016 của Hội đồng vùng KTTĐ ĐBSCL nhiệm kỳ 2015-2016.

(4) Trưởng Ban Chỉ đạo là một Phó Thủ tướng Chính phủ. Phó Trưởng Ban thường trực là Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Các thành viên khác gồm 9 Thứ trưởng của các Bộ, ngành, 1 Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ và 4 Chủ tịch Hội đồng vùng của 4 vùng KTTĐ trên cả nước. Bộ KHĐT là cơ quan làm nhiệm vụ thường trực của Ban Chỉ đạo.

(5) Theo Quyết định số 36/QĐ-HĐVĐBSCL

(6) Bộ Kế hoạch và Đầu tư: *Liên kết vùng tại đồng bằng sông Cửu Long*, Báo cáo nghiên cứu, Hà Nội, 2018.

(7) Hình thành theo sáng kiến của Bí thư Tỉnh Ủy Đồng Tháp Lê Minh Hoan và Chủ tịch Hội Doanh nghiệp Hàng Việt Nam chất lượng cao (HVNCLC) Vũ Kim Hạnh

(8) Chủ nhiệm chương trình liên kết hợp tác giữa 4 tỉnh và hai tổ chức này là ông Lê Minh Hoan, Bí thư Tỉnh Ủy Đồng Tháp. ABCD Mekong cũng có một Ban chỉ đạo và điều phối gồm 8 thành viên là 4 phó chủ tịch các tỉnh, thành phố và 4 lãnh đạo sở ngành/hiệp hội doanh nghiệp

(9) “Mỗi xã một sản phẩm” (*One Commune, One Product – OCOP*) là Chương trình được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 7-5-2018, được triển khai trên cả nước trong giai đoạn 2018-2020, như một giải pháp và nhiệm vụ trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới.

(10) Tanya Huizer: *Tăng cường liên kết vùng đồng bằng sông Cửu Long: cân nhắc từ các nghiên cứu điển hình quốc tế*, Báo cáo tham luận tại Hội thảo Tăng cường liên kết vùng ở đồng bằng sông Cửu Long, Hà Nội, 2018.

(11) Bộ Kế hoạch và Đầu tư: *Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu*, Báo cáo tham luận tại Hội nghị đánh giá kết quả hai năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu, Tp. Hồ Chí Minh, 2019.

(12) Bùi Quang Tuấn, Hà Huy Ngọc: *Thực hiện chính sách liên kết vùng nhằm ứng phó với BĐKH ở vùng Tây Nam Bộ trong bối cảnh mới*, Tạp chí *Nghiên cứu Kinh tế*, số 7 (482), 2018, tr.52-64.